

Bản án số: 70/2022/DS-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/DSST ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/QĐXXST-DS ngày 20/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2022/QĐST-DS ngày 17/6/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2022/QĐXXST-DS ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A

Địa chỉ: Số 130 PDL, Phường B, quận PN – TP. Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T.

Địa chỉ: Số 98 NTL, Phường M, quận BT – TP. Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 25-22/QĐ-DAB-PNN ngày 21/4/2022)

(Ông Tài có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hữu Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 118/11A VH, Phường T, Quận T - TP. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 403 Lô C1 chung cư Phường S, Quận T – TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 07/4/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.A - Phòng giao dịch 24h số 12 nay là Phòng giao dịch NTL (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Hữu Đ ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ số 0144406001T16013 (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng), theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông Đ vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); thời hạn vay: 24 tháng từ ngày 07/04/2016 đến 07/04/2018; lãi suất: 7.5%/ năm; lãi suất quá hạn: bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, mục đích vay: tiêu dùng; biện pháp bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp; phương thức trả nợ: trả gốc và lãi hàng tháng theo phân kỳ trả nợ, cụ thể: 23 kỳ đầu trả 960.000 đồng và kỳ cuối cùng trả 920.000 đồng, bắt đầu trả nợ từ tháng 5/2016.

Trong quá trình vay góp, từ ngày 07/04/2016 đến ngày 17/01/2017, ông Phạm Hữu Đ đã trả được 9 kỳ, tổng số tiền đã trả là 8.640.000 đồng (trong đó, tiền vốn gốc 6.840.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 1.800.000 đồng). Còn lại 15 kỳ trả nợ từ ngày 07/02/2017 đến 07/4/2018 thì ông Phạm Hữu Đ không trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nợ.

Do ông Phạm Hữu Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 07/02/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nợ tuy nhiên khách hàng đã bỏ số điện thoại đăng ký ban đầu; Ngân hàng đã gửi thư báo đến địa chỉ nhà do bị đơn cung cấp nhưng không có phản hồi. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Hữu Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu, gồm tiền nợ gốc: 13.160.000 đồng; lãi trong hạn: 1.200.000 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 6.992.621 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi ông Phạm Hữu Đ thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng số 0144406001T16013.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn ông Phạm Hữu Đ để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Phạm Hữu Đ đều vắng mặt không rõ lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T đã có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai với nội dung: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng, nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 21.352.621 đồng (trong đó nợ gốc là 13.160.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.200.000 đồng; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 6.992.621 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

- Bị đơn đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Hữu Đ có địa chỉ cư trú tại 118/11A VH, Phường T, Quận T nên Ngân hàng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận T là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử về thành phần và tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Hữu Đ trả tiền vay còn thiếu theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết đã ký kết, đây là vụ án dân sự “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.A; Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ; Kết quả xác minh của Công an Phường T, Quận T và Công an Phường 6, Quận T, TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Phạm Hữu Đ, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại 118/11A VH, Phường T, Quận T, TP. Hồ Chí Minh, hiện thực tế cư ngụ tại địa chỉ 403 Lô C1, chung cư Phường S, Quận T, TP. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về người tham gia tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 17/6/2022, lần thứ hai ngày 15/7/2022), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] *Xét yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 13.160.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng vay theo Giấy đăng ký vay

tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/4/2016. Theo đó Nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 07/04/2016. Theo bảng kê chi tiết nợ chưa thanh toán của khách hàng Phạm Hữu Đ thì tính đến ngày 07/02/2017 bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 13.160.000 đồng cho Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mục III của Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ nên Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 13.160.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Theo quy định mục III, phần cam kết của người vay và Phần dành cho Ngân hàng Đ.A của Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/4/2016 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất vay trong hạn là 7,5%, trong trường hợp thanh toán trễ hạn phải chịu lãi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi trong hạn và lãi quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn 1.200.000 đồng; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 6.992.621 đồng và tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký là đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về thời hạn thanh toán:* Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn không trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong Hợp đồng, thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là **1.067.631 đồng**. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0036182 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu thi hành ngày 01/01/2011;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A.

Buộc ông Phạm Hữu Đ có nghĩa vụ trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A số tiền là 21.352.621 đồng (hai mươi một triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng), bao gồm nợ gốc: 13.160.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng); lãi trong hạn: 1.200.000 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022 là 6.992.621 đồng (sáu triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022 đến khi thi hành án xong, ông Phạm Hữu Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Hữu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.067.631 đồng (Một triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng).**

- Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 473.000 đồng (Bốn trăm, bảy mươi ba nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.A theo biên lai thu số AA/2019/0036182 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh